TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DK** **TỈNH KHÁNH HÒA** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 10 - 2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Nhu
Bà Nguyễn Thị Hưởng
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - Khánh Hòa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 190/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXX-ST ngày 27/9/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim B - sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn T3, xã Đ, huyện DK, tỉnh Khánh Hoà.
Có mặt tại phiên tòa.
- Bị đơn: Anh Bùi Văn N - sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn T3, xã Đ, huyện DK, tỉnh Khánh Hoà.
Có mặt tại phiên tòa.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:
Ngân hàng chính sách xã hội
Địa chỉ: Tòa nhà C5, Bán đảo Linh Đàm, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội:
Bà Nguyễn Thị Ngọc L - sinh năm 1977 - Phó Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện DK (Văn bản ủy quyền số: 214/ NHCSDK-UQ ngày 03/9/2019). Địa chỉ: 47 đường L, thị trấn DK, huyện DK, Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 23/8/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim B trình bày: Chị và anh Bùi Văn N tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 02/4/2008. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông N uống rượu say xỉn, không có trách nhiệm với gia đình, không chịu đi làm, quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, thường dùng những lời lẽ xúc phạm đến chị. Năm 2018, chị có nộp đơn xin ly hôn, anh N cam kết thay đổi nhưng vẫn không thay đổi bản tính, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị và ông N không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2019 đến nay. Chị xác

định không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc đến anh N nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn N.

Về con chung: có 02 con chung là Bùi Quang D - sinh ngày 11/8/2007 và Bùi Thị Thúy Ng - sinh ngày 18/4/2009. Chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị và anh N có nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 47.764.877 đồng (trong đó: tiền gốc 47.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 03/9/2019 là 764.877 đồng) đối với mã món vay 6600000707582112 ngày 05/6/2016. Nay Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu trả số tiền 47.764.877 đồng và các khoản lãi phát sinh từ ngày 04/9/2019 của mã món vay 6600000707582112 cho Ngân hàng chính sách xã hội cho đến khi trả hết nợ. Chị đồng ý trả ½ số nợ đối với khoản vay của mã món vay 6600000707582112 cho Ngân hàng chính sách xã hội.

Tại bản tự khai ngày 11/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn N trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian sống chung và kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh xác nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh có thường xuyên uống rượu, không đi làm do bị bệnh gai cột sống, mọi công việc đều do chị B gánh vác, chăm lo. Anh không có sự tin tưởng chị B trong cuộc sống nên mỗi lần chị B đi làm về trễ, anh luôn có những lời nói và hành động xúc phạm đến chị B, dẫn đến cả hai không có sự tôn trọng nhau. Năm 2018, anh có cam kết với chị B sẽ thay đổi bản tính, nhưng anh vẫn chưa thay đổi được. Anh và chị B đã không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2019 đến nay, anh đã nhiều lần xin lỗi nhưng chị B không tha thứ và đã thuê nhà sống riêng. Nay chị B xin ly hôn, anh không đồng ý vì còn thương chị B.

Về con chung: có 02 con chung là Bùi Quang D - sinh ngày 11/8/2007 và Bùi Thị Thúy Ng - sinh ngày 18/4/2009. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì các con muốn ở với mẹ và hiện đang sinh sống cùng với chị B.

Về tài sản chung: anh và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh và chị B có nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 47.764.877 đồng (trong đó: tiền gốc 47.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 03/9/2019 là 764.877 đồng) đối với mã món vay 6600000707582112 ngày 05/6/2016. Nay Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu trả số tiền 47.764.877 đồng và các khoản lãi phát sinh từ ngày 04/9/2019 của mã món vay 6600000707582112 cho Ngân hàng chính sách xã hội cho đến khi trả hết nợ. Anh đồng ý trả ½ số nợ đối với khoản vay của mã món vay 6600000707582112 cho Ngân hàng chính sách xã hội và xin trả dần theo như hợp đồng đã ký kết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng Chính sách xã hội - Bà Nguyễn Thị Ngọc L - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện DK - làm đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 05 tháng 6 năm 2016, anh Bùi Văn N đại diện hộ gia đình vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện DK theo chương trình hộ nghèo mã món vay 6600000707582112 với số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 0,55%/tháng, thời hạn 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là 05/6/2021. Nay vợ chồng anh N, chị B ly hôn, Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu anh N, chị B phải thanh toán số tiền nợ còn lại tính đến ngày 03/9/2019 là

47.764.877 đồng (trong đó: tiền gốc 47.000.000 đồng và tiền lãi là 764.877 đồng) và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 04/9/2019 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh N; về con chung: chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: đồng ý thanh toán ½ số nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội. Bị đơn anh Bùi Văn N không đồng ý ly hôn; Nếu ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung Bùi Quang D và Bùi Thị Thúy ân cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, nuôi dưỡng, giáo dục và anh N không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: đồng ý trả ½ số nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam theo phương thức trả hàng tháng như từ trước đến nay. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng chính sách xã hội xác nhận anh N, chị B còn nợ của Ngân hàng số tiền 47.076.488 đồng tính đến ngày 14/10/2019. Ngân hàng yêu cầu anh N, chị B thanh toán khoản nợ trên và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 15/10/2019 cho đến khi trả hết nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị B xin ly hôn với anh N. Về con chung: Giao 02 con chung Bùi Quang D và Bùi Thị Thúy Ng cho chị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét. Về tài sản chung: Chị B và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: chị B, anh N, Ngân hàng chính sách xã hội xác định số nợ tính đến ngày 14/10/2019 là 47.076.488 đồng. Chị B, anh N mỗi người trả ½ số nợ trên và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 15/10/2019 cho đến khi trả hết nợ theo sổ vay vốn số 6600000707582112 ngày 05 tháng 6 năm 2016; về án phí: Theo giấy chứng nhận hộ cận nghèo năm 2018 số 45/GCN-HN.HCN ngày 10/01/2018 của UBND xã Đ - huyện DK - tỉnh Khánh Hòa, anh Bùi Văn N, chị Nguyễn Thị Kim B thuộc hộ cận nghèo, nên cần miễn tiền án phí Hôn nhân gia đình, dân sự sơ thẩm đối với anh Bùi Văn N, chị Nguyễn Thị Kim B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị B, anh N tự nguyện yêu thương nhau, về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2006 và đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ - huyện DK - Khánh Hòa và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2008 ngày 02/4/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do anh N thường xuyên say xỉn, không có trách nhiệm với gia đình, không chịu đi làm, quan tâm, chia sẻ với chị trong cuộc sống, luôn dùng lời lẽ xúc phạm đối với chị B và chị đã bỏ nhà đi từ tháng 4/2019 cho đến nay. Anh N thừa nhận có thường xuyên uống rượu, không đi làm, không có sự tin tưởng, có những lời nói và hành động xúc phạm đến chị B, mọi công việc đều do chị B gánh vác, chăm lo, nhưng anh vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Hôn nhân xuất phát từ tình yêu thương tự nguyện, tiến bộ, không bạo lực gia đình. Tuy nhiên, tại các buổi làm việc tại Tòa và tại phiên tòa hôm nay, chị B đều xác định không còn tình cảm với anh

N, mặc dù anh N đã cố gắng níu kéo nhưng tình cảm chị dành cho anh N không còn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[3]. Về con chung: Chị B và anh N có 02 con chung là Bùi Quang D - sinh ngày 11/8/2007 và Bùi Thị Thúy Ng - sinh ngày 18/4/2009. Hai cháu D, Ng có nguyện vọng được ở với chị B. Chị B và anh N thống nhất giao 02 con chung cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là yêu cầu chính đáng của chị B phù hợp với pháp luật nên cần để chị B tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung.

[4]. Về tài sản chung: Chị B và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: chị B, anh N, Ngân hàng chính sách xã hội xác định số nợ tính đến ngày 14/10/2019 là 47.076.488 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng). Chị B, anh N phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng chính sách xã hội, cụ thể, mỗi người trả ½ số nợ trên và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 15/10/2019 cho đến khi trả hết nợ theo sổ vay vốn số 6600000707582112 ngày 05 tháng 6 năm 2016.

Về án phí: Theo giấy chứng nhận hộ cận nghèo năm 2018 số 45/GCN-HN.HCN ngày 10/01/2018 của UBND xã Đ - huyện DK - Khánh Hòa, anh Bùi Văn N, chị Nguyễn Thị Kim B thuộc diện hộ cận nghèo. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Hội đồng xét xử miễn tiền án phí Hôn nhân gia đình, dân sự sơ thẩm đối với chị Nguyễn Thị Kim B và miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với anh Bùi Văn N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91, 94 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh an Tòa án nhân dân tối cao.
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim B được ly hôn với anh Bùi Văn N.

[2]. Về con chung: Giao 02 con chung Bùi Quang D - sinh ngày 11/8/2007 và Bùi Thị Thúy Ng - sinh ngày 18/4/2009 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, chị B, anh N đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Chị B trả cho Ngân hàng chính sách xã hội 23.538.000 đồng và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 15/10/2019 cho đến khi trả hết nợ theo sổ vay vốn số 6600000707582112 ngày 05 tháng 6 năm 2016.

Anh N trả cho Ngân hàng chính sách xã hội 23.538.000 đồng và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 15/10/2019 cho đến khi trả hết nợ theo sổ vay vốn số 6600000707582112 ngày 05 tháng 6 năm 2016.

Quy định chung: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim B được miễn nộp án phí hôn nhân và gia đình và án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Bùi Văn N được miễn nộp án phí án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị Kim B đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007144 ngày 26/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - Khánh Hòa.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- Ủy ban nhân dân xã Đ (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Vũ Thị Kim Vinh